

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ:

ĐỀ THI/ĐỀ BÀI, RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Sở hữu trí tuệ		
Mã học phần:	71INPR40612	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	241_71INPR40612		
Hình thức thi: Tiểu luận nhóm không thuyết trình	Thời gian làm bài:		Phút/ ngày
☐ Cá nhân	☒ Nhóm		
Quy cách đặt tên file	Số TT lớp HP__Ho và ten SV_MSSV_Chủ đề số ...		

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2** trước ngày:.....

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Đề thi gồm 35 chủ đề được đánh số từ 01 – 35. Trình bài dưới dạng bảng ở phần III.1, sinh viên chọn một trong số các chủ đề trong danh sách để thực hiện.

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (**nén lại và đặt mật khẩu file nén**) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng thành phần điểm (%)	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CLO	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chuyên cần	10%	Điểm danh	Gọi tên phát biểu ngẫu nhiên, quick test	CLO5	100%	PI 11.3A
Bài tập nhóm (thuyết trình)	20%	Thuyết trình	Rubic	CLO2	25%	PI 2.1
				CLO3	25%	PI 6.3A
				CLO4	50%	PI 10.1A
Kiểm tra giữa kỳ	20%	Trắc nghiệm + Tự luận	Đáp án	CLO1	20%	PI 11.3
				CLO2	20%	PI 2.1
				CLO3	20%	PI 6.3
				CLO4	20%	PI 10.1
				CLO5	20%	PI 11.3
Thi cuối kỳ	50 %	Tiểu luận nhóm không thuyết trình	Rubic	CLO1	20%	PI 11.3
				CLO2	20%	PI 2.1
				CLO3	20%	PI 6.3
				CLO4	20%	PI 10.1
				CLO5	20%	PI 11.3

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng

của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung đề bài

1. Danh sách chủ đề

1	Bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm đặc sản địa phương tại Việt Nam.
2	Bảo hộ hình thức không bảo hộ nội dung là gì ? Phân tích và cho ví dụ
3	Bảo hộ nhãn hiệu âm thanh theo pháp luật nước ngoài và kinh nghiệm cho Việt Nam.
4	Bảo hộ nhãn hiệu chuyển động theo pháp luật nước ngoài và kinh nghiệm cho Việt Nam.
5	Bảo hộ nhãn hiệu đối với khẩu hiệu kinh doanh (slogan).
6	Bảo hộ nhãn hiệu đối với trang mạng xã hội (youtube, facebook or tiktok) theo quy định pháp luật Việt Nam.
7	Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế được tạo ra bởi trí tuệ nhân tạo.
8	Bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm điện ảnh - so sánh với pháp luật Nhật Bản
9	Bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm phái sinh.
10	Bảo hộ quyền tác giả dưới tác động cách mạng công nghiệp 4.0.
11	Bảo hộ quyền tác giả trong môi trường thương mại điện tử.
12	Bảo hộ sáng chế liên quan đến trí thức truyền thống gắn với nguồn gen.
13	Bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của pháp luật Việt Nam.
14	Cơ chế bảo hộ kép đối với chương trình máy tính theo pháp luật nước ngoài và kinh nghiệm cho Việt Nam.
15	Điều kiện bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo pháp luật Việt Nam - so sánh với pháp luật các quốc gia Châu Âu.
16	Điều kiện bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo pháp luật Việt Nam.
17	Điều kiện bảo hộ quyền liên quan đến quyền tác giả theo pháp luật Việt Nam.
18	Định giá tài sản trí tuệ theo pháp luật Việt Nam – so sánh với pháp luật nước ngoài.
19	Hạn chế và ngoại lệ của quyền tác giả theo quy định của pháp luật Việt Nam.
20	Hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm điện ảnh theo pháp luật Việt Nam.
21	Hợp đồng giao khoán sáng tác tác phẩm theo quy định của pháp luật Việt Nam
22	Khả năng phân biệt của nhãn hiệu theo pháp luật Việt Nam.
23	Nguyên tắc đảm bảo mức độ bảo hộ thỏa đáng và cân bằng trong bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.
24	Phân tích các biện pháp tự bảo vệ của chủ sở hữu quyền (tác giả/liên quan/nhãn hiệu...)
25	Phân tích tính nguyên gốc của tác phẩm? So sánh và phân biệt với tính mới ?
26	Quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới tài sản số NFT.
27	Quyền sử dụng trước đối với nhãn hiệu
28	Quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng trong hiệp định EVFTA.
29	Tác động của Hiệp định EVFTA đối với việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam.
30	Thừa kế quyền sở hữu công nghiệp theo pháp luật Việt Nam.

31	Thừa kế quyền tác giả theo pháp luật Việt Nam.
32	Tính mới của sáng chế Vắc-Xin.
33	Trách nhiệm pháp lý của nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP) với hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu.
34	Từ bỏ quyền nhân thân của tác giả theo pháp luật Hoa Kỳ và kinh nghiệm cho Việt Nam.
35	Xác định đồng tác giả trong các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ.

2. Hướng dẫn thể thức trình bày đề bài

- Sinh viên lựa chọn một trong các chủ đề trong danh sách được đánh số từ 01- 35 ở phần III.1
- Quy ước đặt tên file đề thi/đề bài:
- + Số TT lớp HP__Ho và ten SV_MSSV_Chủ đề số ...
- Ví dụ: Sinh viên lớp HP 241_71INPR40612_02, tên **Nguyễn Văn A**, MSSV **2273201040001** chọn chủ đề số **01** trong danh sách đề tài thì đặt tên file như sau:
- **Tên file: 02_Nguyễn Văn A_2273201040001_Chủ đề 01**
- Sinh viên lựa chọn làm bài dưới các hình thức sau:
 - o Dạng văn bản (file PDF): font chữ Times New Roman, size 13, giãn dòng 1.15 – 1.5, lề trái 2.5cm lề phải 2.0cm, lề trên, lề dưới 2.0cm. Ít nhất 800 từ, nhiều nhất không quá 2000 từ, không bao gồm phần chú thích, tham khảo, bảng và hình. Phải đánh số trang.
 - o Dạng thuyết trình (sinh viên có thể làm trên powerpoint, canva... nhưng phải xuất file ppt/pptx để nộp bài): yêu cầu số slide tối thiểu là 15 và tối đa không quá 30 slide.
 - o Dạng video: tối thiểu 5p và tối đa không quá 10p. Sinh viên sử dụng các định dạng video phổ biến sau: mp4, avi, mov hoặc wma khi nộp bài.

3. Rubric và thang điểm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt Từ 8 – 10 đ	Khá Từ 6 – dưới 8 đ	Trung bình Từ 4 – dưới 6 đ	Yếu dưới 4 đ
Kỹ năng nhận diện và phân tích tình huống/chủ đề	20%	Tóm lược đầy đủ, xúc tích được các vấn đề cơ bản của tình huống và nắm được đầy đủ nội dung cần phải giải quyết	Có thể tóm lược được vấn đề mặc dù còn thiếu sót, cơ bản nắm được các nội dung cần phải giải quyết	Có thể hiểu được nội dung tình huống và một số vấn đề cần giải quyết chính	Không hiểu được tình huống, không nhận diện được vấn đề
Kiến thức pháp luật và khả năng vận dụng kiến thức vào tình huống	40%	Nhận diện đúng lĩnh vực pháp lý của vấn đề (quyền tác giả, quyền liên quan, nhãn hiệu...) Phân tích đúng vấn đề pháp lý Giải pháp đúng Áp dụng đúng căn cứ pháp luật	Nhận diện đúng lĩnh vực pháp lý của vấn đề (quyền tác giả, quyền liên quan, nhãn hiệu...) Phân tích tương đối vấn đề pháp lý Giải pháp tương đối	Nhận diện đúng lĩnh vực pháp lý của vấn đề (quyền tác giả, quyền liên quan, nhãn hiệu...) Có phân tích và đưa ra giải pháp Có nêu được căn cứ pháp lý (có	Không nhận diện được lĩnh vực pháp lý của vấn đề Chưa có hoặc phân tích và đưa ra giải pháp hoàn toàn không đúng

			Áp dụng đúng căn cứ pháp luật	thể đúng hoặc chưa đúng)	
Có quan điểm cá nhân đúng đắn và ý thức chấp hành pháp luật	20%	Thể hiện được ý thức tuân thủ pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ; Có quan điểm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, ý kiến đóng góp mới	Thể hiện được ý thức tuân thủ pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ;	Chưa có nhận thức đúng đắn về việc tuân thủ pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ;	Có quan điểm lệch lạc, thiếu ý thức tuân thủ pháp luật. Không tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ
Trình bày	20%	- Đúng yêu cầu - Trình bày đẹp, mạch lạc, không có lỗi chính tả	- Đúng yêu cầu - Trình bày đẹp, ít có lỗi chính tả	- Phù hợp với yêu cầu - Trình bày chưa đẹp, nhiều lỗi chính tả, bố cục không rõ ràng	- Không đúng yêu cầu - Trình bày rối rắm, khó đọc, nhiều lỗi chính tả
	100%				

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

Giảng viên ra đề